

Số: **184/2019/QĐST- HNGĐ**

Quy họp, ngày 24 tháng 9 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 178/2019/TLST/HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị D, sinh năm 1976

Bị đơn: Anh Trần H, sinh năm 1975

Đều cùng địa chỉ: Xóm Đ, xã Đ, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Căn cứ vào điều 212 và điều 213, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điều 55, 81, 82, 83, 107, 110, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 9 năm 2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 9 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái với đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Trần Thị D và anh Trần H.

2. Sự thỏa thuận của các bên đương sự cụ thể như sau:

+Về con chung: Giao 02 người con chung: Trần Đức Trung H, sinh ngày 04/5/2003 và Trần Đức M, sinh ngày 03/01/2005 cho chị Trần Thị D trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc anh Trần H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị D mỗi cháu một tháng là 2.500.000,đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng), cả hai cháu là 5.000.000,đ (Năm Triệu đồng)/1 tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 9/2019 trở đi cho đến khi con chung đủ 18 tuổi trưởng thành.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

+Về tài sản chung: Chị D và anh H thỏa thuận tự chia cho nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+Về án phí: Chị D và anh H thỏa thuận chị D chịu án phí dân sự sơ thẩm là 150.000,đ (một trăm năm mươi nghìn đồng). Được khấu trừ trong số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000,đ (ba trăm nghìn đồng). Trả lại cho chị D số tiền 150.000,đ (một trăm năm mươi nghìn đồng), theo biên lai thu số 0002701 ngày 06/9/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Anh H phải chịu án phí cấp dưỡng là: 150.000,đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày chị D có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con) cho đến khi thi hành án xong, anh Trần H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
 - VKSND huyện Quỳnh hợp;
 - Chi Cục THADS huyện Q;
 - Các đương sự;
 - UBND xã Đ
- huyện Q, tỉnh Nghệ An.
- Lưu hồ sơ

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Cao Thị Nghệ

